

Số: 114/2018/QĐST-HNGĐ

Tân Phú Đông, ngày 26 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1986

HKTT: Ấp Kinh Nh , xã Phú Th , huyện A tỉnh B

Tạm trú: Ấp Tân Th1, xã Tân P, huyện A tỉnh B

- Bị đơn: Anh Lê Minh L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Kinh Nh , xã Phú Th , huyện A tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Minh L .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thúy V , sinh ngày 02/02/2009 và Lê Uyên X, sinh ngày 30/8/2014. Anh Lê Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu hàng tháng 695.000 đồng (Tổng cộng 02 cháu hàng tháng là 1.390.000 đồng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V , cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Anh L tự nguyện có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

+ Hoàn lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 48854 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. A;
- UBND xã Phú Th ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Ngọc H.